

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2022/DS-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/. Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị P do quen biết và có quan hệ họ hàng nên tôi cho bà P vay tiền nhiều lần không có làm giấy tờ từ năm 2016 đến năm 2018 bà P vay của tôi 60.000.000 đồng, cụ thể ngày 05/02/2016 âm lịch bà P vay của tôi 10 triệu đồng, ngày 10/12 âm lịch (không nhớ rõ năm) bà P vay của tôi 20 triệu đồng, ngày 20/3 âm lịch (không nhớ rõ năm) bà P vay của tôi 15 triệu đồng, ngày 05/5 âm lịch (không nhớ rõ năm) bà P vay của tôi 15 triệu đồng, tổng cộng bà P vay của tôi 60 triệu đồng. Ngày 16/5/2019 âm lịch bà P hứa sẽ trả cho tôi thêm 20 triệu đồng do bà P vay tiền của tôi thời gian lâu chưa trả. Việc tôi cho bà P vay tiền trong từng

lần bà P và tôi không có làm giấy tờ gì mà tôi tự ghi nhận. Đến ngày 16/5/2019 âm lịch bà P có làm giấy xác nhận bà P còn nợ tôi 80.000.000 đồng và cam kết sẽ trả cho tôi trong vòng 06 tháng. Sau đó tôi đòi nhiều lần nhưng bà P vẫn không trả.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị P trả cho tôi số tiền 80.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Tôi thừa nhận có vay của bà B nhiều lần tiền, đến ngày 16/5/2019 âm lịch tôi và bà P chốt nợ xác định tôi còn nợ bà B 60.000.000 đồng và tôi hứa trả cho bà B thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền tôi phải trả cho bà B là 80.000.000 đồng. Bà B khởi kiện tôi đồng ý trả cho bà B 80.000.000 đồng nhưng hiện nay tôi không có khả năng trả một lần nên hẹn đến khi thu hoạch sầu riêng vào tháng 11 năm 2023 tôi sẽ trả số tiền này cho bà B.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu bà P trả lại cho bà số tiền 80.000.000 đồng một lần, bà P đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng cho bà B nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về xác định bị đơn trong vụ án: Theo đơn khởi kiện, bà B khởi kiện yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả số tiền vay cho bà B. Tuy nhiên do nhầm lẫn nên trong đơn khởi kiện bà B kiện bà Nguyễn Thị P, tại phiên tòa bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định lại kiện bà Phạm Thị P. Bà P cũng trình bày họ tên đầy đủ của bà P là Phạm Thị P và thừa nhận có nợ bà B số tiền như nội dung khởi kiện của bà B. Đồng thời bà P cũng đồng ý với yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của bà B, không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn trong vụ án là bà Phạm Thị P.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà B 80.000.000 đồng tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị P có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại “Giấy mượn tiền” ngày 16/5/2019 âm lịch do bà B nộp kèm đơn khởi kiện thể hiện bà P có nợ của bà B 80.000.000 đồng. Mặc dù bà P không thừa nhận bà P có ký tên vào “Giấy mượn tiền” ngày 16/5/2019 âm lịch nhưng tại bản tự khai

ngày 05/12/2022 bà P thừa nhận còn nợ bà B số tiền 80.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Bảy, bà P đều thống nhất bà P còn nợ bà B 80.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy có đủ căn cứ xác định bà P hiện nay còn nợ bà B số tiền 80.000.000 đồng, do đó bà B khởi kiện yêu cầu Phụng có nghĩa vụ trả cho bà B 80.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với việc bà P xin được trả dần số tiền 80.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn không được bà B đồng ý và không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Phạm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Phạm Thị P phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Bảy.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phượng, bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang